
BUỔI 1
PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ SỐ HỮU TỈ

I. MỤC TIÊU :

1. Kiến thức:

- + Củng cố lại quy tắc cộng, trừ các số hữu tỉ
- + HS ghi nhớ tính chất của phép cộng số hữu tỉ
- + Nắm vững và hiểu quy tắc chuyển vế
- + Biết cách trình bày lời giải bài toán theo trình tự, đầy đủ các bước

2. Kỹ năng

- + Thực hiện được các phép toán về cộng, trừ các số hữu tỉ;
- + Sử dụng tính chất phép cộng trong các bài toán tổng hợp;
- + Vận dụng quy tắc chuyển vế giải được các bài toán tìm x;
- + Rèn kỹ năng tính toán cẩn thận, chính xác;
- + Rèn kỹ năng tính nhanh, tính nhẩm.

3. Thái độ: Nghiêm túc, chăm chỉ, trung thực, tuân thủ

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên

- + Hệ thống kiến thức về các phép toán trong tập hợp Q
- + Hệ thống kiến thức về bài toán tìm giá trị của x
- + Kế hoạch giáo dục

Hệ thống bài tập sử dụng trong buổi dạy

Bài tập 1. Thực hiện các phép tính sau

a) $\frac{1}{3} + \frac{7}{3}$

b) $\frac{2}{5} + \frac{9}{5}$

c) $\frac{-8}{11} + \frac{5}{11}$

d) $\frac{6}{19} + \frac{-12}{19}$

Bài tập 2. Thực hiện các phép tính sau

a) $\frac{-3}{5} + \frac{7}{5}$

b) $\frac{7}{4} + \frac{11}{4}$

c) $\frac{8}{-9} + \frac{7}{-9}$

d) $\frac{-7}{6} + \frac{-5}{6}$

Bài tập 3. Thực hiện các phép tính sau

a) $\frac{13}{12} - \frac{5}{12}$

b) $\frac{5}{-7} - \frac{8}{7}$

c) $\frac{3}{5} - \frac{-9}{5}$

d) $\frac{7}{-3} - \frac{-4}{3}$

Bài tập 4. Thực hiện các phép tính sau

a) $\frac{9}{-8} - \frac{11}{8}$

b) $\frac{9}{11} - \frac{7}{-11}$

c) $\frac{14}{6} + \frac{8}{-3}$

d) $\frac{6}{12} - \frac{1}{2}$

Bài tập 5. Thực hiện các phép tính sau

a) $\frac{15}{4} - \frac{7}{2}$

b) $\frac{7}{3} - \frac{11}{6}$

c) $\frac{3}{4} - \frac{5}{12}$

d) $\frac{-1}{9} + \frac{5}{18}$

Bài tập 6. Thực hiện các phép tính sau

a) $\frac{-3}{4} + \frac{-5}{3}$

b) $\frac{1}{5} - \frac{3}{4}$

c) $\frac{-6}{5} - \frac{3}{8}$

d) $\frac{-5}{7} + \frac{4}{3}$

Bài tập 7. Thực hiện các phép tính sau

a) $\frac{8}{15} + \frac{-7}{20}$

b) $\frac{5}{8} - \frac{7}{10}$

c) $\frac{-7}{15} - \frac{3}{25}$

d) $\frac{-5}{8} - \frac{7}{18}$

Bài tập 8. Thực hiện các phép tính sau

a) $\frac{2}{6} - \frac{-2}{3} + \frac{7}{4}$

b) $\frac{-7}{2} + \frac{3}{4} - \frac{17}{12}$

c) $\frac{2}{3} + \frac{-1}{3} + \frac{7}{15}$

d) $\frac{3}{5} + \frac{-1}{25} - \frac{7}{20}$

Bài tập 9. Tìm giá trị của x biết

a) $x + \frac{5}{2} = -\frac{3}{2}$

b) $x - \frac{4}{7} = \frac{3}{4}$

c) $\frac{1}{2} - x = \frac{5}{3}$

d) $\frac{4}{5} - x = -\frac{3}{2}$

Bài tập 10. Tìm giá trị của x biết

a) $x - \frac{3}{4} = \frac{-7}{6}$

b) $x + \frac{5}{6} = \frac{1}{12}$

c) $\frac{5}{4} + x = \frac{2}{3}$

d) $\frac{5}{3} - x = \frac{3}{7}$

2. Học sinh

- + Ôn lại các quy tắc cộng trừ số hữu tỉ, tính chất của phép cộng
- + Ôn lại các quy tắc tìm số chưa biết, quy tắc chuyển vế

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động 1. Hệ thống lại kiến thức cơ bản cần sử dụng

Gv gọi 3 HS lên bảng

- + HS1: Viết quy tắc cộng các số hữu tỉ + Ví dụ minh hoạ
- + HS2: Viết quy tắc trừ các số hữu tỉ + Ví dụ minh hoạ
- + HS3: Viết quy tắc chuyển vế + Ví dụ minh hoạ
- + HS4: Viết các tính chất của phép cộng các số hữu tỉ

Hoạt động 2. Bài tập cộng các phân số cùng mẫu số

Hoạt động của Gv và Học sinh	Nội dung
<p>+ Với mỗi bài tập 1, 2, 3, GV gọi 3 HS có học lực trung bình yếu lên bảng làm bài.</p> <p>+ GV giám sát việc làm bài của HS dưới lớp</p> <p>+ Sau đó Gv cho HS khác nhận xét bài làm của các HS trên bảng</p> <p>+ HS có thể làm sai phần c bài 2, phần b, d</p> <p>Bài 3.</p> <p>GV lưu ý HS</p> <p>+ Phải đưa phân số về dạng có mẫu dương</p>	<p>Bài tập 1. Thực hiện các phép tính sau</p> <p>a) $\frac{1}{3} + \frac{7}{3} = \frac{8}{3}$ b) $\frac{2}{5} + \frac{9}{5} = \frac{11}{5}$</p> <p>c) $\frac{-8}{11} + \frac{5}{11} = \frac{-3}{11}$ d) $\frac{6}{19} + \frac{-12}{19} = \frac{-6}{19}$</p> <p>Bài tập 2. Thực hiện các phép tính sau</p>

<p>trước khi thực hiện phép tính + Rút gọn kết quả cuối cùng</p> <p>+ GV lần lượt cho HS nhận xét bài làm của các bạn</p> <p>+ GV chiếu kết quả của 1 số HS để cả lớp cùng theo dõi</p>	$\frac{-3}{5} + \frac{7}{5} = \frac{4}{5}$ <p>a)</p> $\frac{7}{4} + \frac{11}{4} = \frac{18}{4} = \frac{9}{2}$ <p>b)</p> $\frac{8}{-9} + \frac{7}{-9} = \frac{-5}{3}$ <p>c)</p> $\frac{-7}{6} + \frac{-5}{6} = -2$ <p>d)</p> <p>Bài tập 3. Thực hiện các phép tính sau</p> $\frac{13}{12} - \frac{5}{12} = \frac{2}{3}$ <p>a)</p> $\frac{5}{-7} - \frac{8}{7} = \frac{-13}{7}$ <p>b)</p> $\frac{3}{5} - \frac{-9}{5} = \frac{12}{5}$ <p>c)</p> $\frac{7}{-3} - \frac{-4}{3} = -1$ <p>d)</p>
---	--

Hoạt động 3. Bài tập cộng trừ phân số khác mẫu số

Hoạt động của Gv và Học sinh	Nội dung
<p>+ Gv Cho HS làm theo cặp đôi trong ít phút</p> <p>+ Gọi đại diện lên trình bày lời giải</p> <p>+ Gv Chụp bài làm của 1 số nhóm nhỏ rồi trình chiếu</p> <p>+ Gọi HS nhận xét</p> <p>+ GV phân tích kĩ để HS thấy được</p> <p>- Bài tập 4 và 5 , trong các mẫu có 1 mẫu là mẫu chung</p> <p>- Bài tập 6, mẫu chung là tích của các mẫu</p>	<p>Bài tập 4. Thực hiện các phép tính sau</p> $\frac{9}{-8} - \frac{11}{84} = \frac{-5}{4}$ <p>a)</p> $\frac{9}{11} - \frac{7}{-11} = \frac{16}{11}$ <p>b)</p> $\frac{14}{6} + \frac{8}{-3} = \frac{-1}{3}$ <p>c)</p> $\frac{6}{12} - \frac{1}{2} = 0$ <p>d)</p> <p>Bài tập 5. Thực hiện các phép tính sau</p> $\frac{15}{4} - \frac{7}{2} = \frac{1}{4}$ <p>a)</p> $\frac{7}{3} - \frac{11}{6} = \frac{1}{2}$ <p>b)</p> $\frac{3}{4} - \frac{5}{12} = \frac{1}{3}$ <p>c)</p> $\frac{-1}{9} + \frac{5}{18} = \frac{1}{6}$ <p>d)</p> <p>Bài tập 6. Thực hiện các phép tính sau</p> $\frac{-3}{4} + \frac{-5}{3} = \frac{-29}{12}$ <p>a)</p> $\frac{1}{5} - \frac{3}{4} = \frac{-11}{20}$ <p>b)</p> $\frac{-6}{5} - \frac{3}{8} = \frac{-63}{40}$ <p>c)</p> $\frac{-5}{7} + \frac{4}{3} = \frac{13}{21}$ <p>d)</p>

Hoạt động 4. Bài tập vận dụng

Hoạt động của Gv và Học sinh	Nội dung
<p>+ GV chia HS làm mỗi bài theo nhóm</p> <p>+ HS toàn lớp kiểm tra chéo việc làm bài của bạn</p> <p>+ Gv kiểm tra bài làm của nhóm HSG</p> <p>+ HS báo cáo kết quả bài làm mà mình được phân công kiểm tra</p> <p>+ GV Chụp một số bài làm của 3 nhóm đối tượng HS . Trình chiếu để cả lớp theo dõi</p> <p>+ GV lưu ý HS nên tìm mẫu chung rồi quy đồng cả 3 phân số</p>	<p>Bài tập 7. Thực hiện các phép tính sau</p> <p>a) $\frac{8}{15} + \frac{-7}{20} = \frac{11}{60}$ b) $\frac{5}{8} - \frac{7}{10} = \frac{-3}{40}$</p> <p>c) $\frac{-7}{15} - \frac{3}{25} = \frac{-44}{75}$ d) $\frac{-5}{8} - \frac{7}{18} = \frac{-73}{72}$</p> <p>Bài tập 8. Thực hiện các phép tính sau</p> <p>a) $\frac{2}{6} - \frac{-2}{3} + \frac{7}{4} = \frac{11}{4}$ b) $\frac{-7}{2} + \frac{3}{4} - \frac{17}{12} = \frac{-25}{6}$</p> <p>c) $\frac{2}{3} + \frac{-1}{3} + \frac{7}{15} = \frac{4}{5}$ d) $\frac{3}{5} + \frac{-1}{25} - \frac{7}{20} = \frac{21}{100}$</p>

Hoạt động 4. Bài tập tìm giá trị của x

Hoạt động của Gv và Học sinh	Nội dung
<p>Gv cho HS ít phút, cho HS khá giỏi lên bảng làm bài</p> <p>+ Lưu ý HS phải đổi dấu khi áp dụng quy tắc chuyển vế</p> <p>+ Gv cho HS nhận xét, sau đó nhận xét, chốt lại cách làm</p> <p>Nếu không còn thời gian thì cho HS về nhà làm</p>	<p>Bài tập 9. Tìm giá trị của x biết</p> <p>a) $x + \frac{5}{2} = -\frac{3}{2}$ b) $x - \frac{4}{7} = \frac{3}{4}$</p> <p>$x = -4$ $x = \frac{37}{28}$</p> <p>c) $\frac{1}{2} - x = \frac{5}{3}$ d) $\frac{4}{5} - x = -\frac{3}{2}$</p> <p>$x = -\frac{7}{6}$ $x = \frac{23}{10}$</p> <p>Bài tập 10. Tìm giá trị của x biết</p> <p>a) $x - \frac{3}{4} = \frac{-7}{6}$ b) $x + \frac{5}{6} = \frac{1}{12}$</p> <p>$x = \frac{-5}{12}$ $x = -\frac{3}{4}$</p> <p>c) $\frac{5}{4} + x = \frac{2}{3}$ d) $\frac{5}{3} - x = \frac{3}{7}$</p> <p>$x = -\frac{7}{12}$ $x = \frac{26}{21}$</p>

BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM

- Câu 1.** Kết quả của phép tính $\frac{2}{3} + \frac{4}{5}$ là:
- A. $\frac{22}{15}$. B. $\frac{6}{8}$. C. $\frac{6}{15}$. D. $\frac{8}{15}$.
- Câu 2.** $\frac{23}{12}$ là kết quả của phép tính
- A. $\frac{2}{3} + \frac{5}{4}$. B. $\frac{1}{6} + \frac{3}{2}$. C. $\frac{5}{3} + \frac{3}{2}$. D. $1 + \frac{13}{12}$.
- Câu 3.** Số $\frac{-3}{14}$ được viết thành hiệu của hai số hữu tỉ dương nào dưới đây?
- A. $\frac{2}{3} - \frac{5}{7}$. B. $\frac{1}{14} - \frac{1}{7}$. C. $\frac{1}{2} - \frac{5}{7}$. D. $\frac{3}{14} - \frac{5}{14}$.
- Câu 4.** Số $\frac{16}{15}$ được viết thành hiệu của hai số hữu tỉ dương nào dưới đây?
- A. $\frac{7}{3} - \frac{23}{5}$. B. $\frac{5}{3} - \frac{3}{5}$. C. $\frac{18}{5} - \frac{2}{3}$. D. $\frac{3}{5} - \frac{5}{3}$.
- Câu 5.** Tính $\frac{2}{7} + \left(-\frac{3}{5}\right) + \frac{3}{5}$ ta được kết quả
- A. $\frac{52}{35}$. B. $\frac{2}{7}$. C. $\frac{17}{35}$. D. $\frac{13}{35}$.
- Câu 6.** Tính $\frac{5}{11} + \frac{9}{20} + \left(\frac{-5}{11}\right)$, ta được kết quả
- A. $\frac{9}{20}$. B. $\frac{299}{220}$. C. $\frac{199}{220}$. D. $\frac{9}{42}$.
- Câu 7.** Cho $x + \frac{3}{7} = -\frac{3}{14}$. Giá trị của x bằng
- A. $\frac{-9}{14}$. B. $\frac{3}{14}$. C. $\frac{-6}{14}$. D. $\frac{9}{14}$.
- Câu 8.** Cho $x + \frac{1}{2} = \frac{3}{4}$. Giá trị của x bằng
- A. $\frac{1}{4}$. B. $\frac{-1}{4}$. C. $\frac{2}{5}$. D. $\frac{5}{4}$.
- Câu 9.** Giá trị của biểu thức $\frac{2}{5} + \left(\frac{-4}{3}\right) + \left(\frac{-1}{2}\right)$ là

A. $\frac{-33}{30}$. B. $\frac{-31}{30}$. C. $\frac{43}{30}$. D. $\frac{-43}{30}$.

Câu 10. Giá trị của biểu thức $\frac{4}{5} - \left(-\frac{2}{7}\right) + \left(-\frac{5}{10}\right)$ là

A. $\frac{111}{70}$. B. $\frac{4}{35}$. C. $\frac{1}{70}$. D. $\frac{41}{70}$.

Câu 11. Kết luận nào đúng khi nói về giá trị của biểu thức

A. $A < 0$. B. $A < 1$. C. $A > 2$. D. $A < 2$.

$$A = \frac{1}{3} - \left[\left(-\frac{5}{4}\right) - \left(\frac{1}{4} + \frac{3}{8}\right) \right]$$

Câu 12. Kết luận nào đúng khi nói về giá trị của biểu thức

$$B = \left(\frac{1}{2} - \frac{7}{13} - \frac{1}{3}\right) + \left(\frac{-6}{13} + \frac{1}{2} + 1\frac{1}{3}\right)$$

A. $B > 2$. B. $B = 2$. C. $B < 0$. D. $B < 2$.
